

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM**

Bản án số: 56/2023/HS-ST

Ngày: 22/8/2023

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Trần Anh Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đình Thạt và bà Nguyễn Thị Thúy Lan.

- Thư ký phiên toà: Bà Đinh Như Nguyệt – Thư ký Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Văn Tấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 22/8/2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 49/2023/TLST - HS ngày 04/8/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 55/2023/QĐXXST – HS ngày 08/8/2023 đối với bị cáo:

Lê Quang T; sinh năm 1979; giới tính: Nam; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú trước khi bị tạm giữ, tạm giam: Thôn Đ, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 12/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; Đảng, đoàn: Không; con ông Lê Quang T1 và bà Nguyễn Thị P; có vợ là Tổng Thị G và 03 con, lớn nhất sinh năm 2003, nhỏ nhất sinh năm 2015.

Tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 27/6/2022, UBND xã A ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Lê Quang T về hành vi “*Trộm cắp tài sản*”, hình thức xử phạt: Phạt tiền 3.000.000 đồng. Đến nay T chưa nộp tiền phạt.

Đặc điểm nhân thân: Ngày 26/10/2010, UBND huyện B ra Quyết định đưa đối tượng nghiện ma túy vào cơ sở chữa bệnh tại Trung tâm Chữa bệnh Giáo dục lao động xã hội tỉnh Hà Nam đối với Lê Quang T trong thời hạn 24 tháng. Ngày 29/10/2012 T chấp hành xong.

Bị cáo bị tạm giữ từ ngày 05/7/2023, chuyển tạm giam từ ngày 14/7/2023; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam. (có mặt)

* **Người bị hại:** Ông Vũ Trung C, sinh năm 1966; nơi cư trú: Tổ dân phố B, thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

* **Người có quyền lợi nghĩa vụ có liên quan:** Cháu Lê Minh H; sinh ngày 09/4/2008; nơi ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. (vắng mặt)

+ *Người giám hộ cho cháu Hoàng:* Bà Tổng Thị G; sinh năm 1982; nơi ở hiện nay: Thôn A, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Là mẹ đẻ cháu Hoàng. (có mặt).

* **Người làm chứng:** Anh Nguyễn Văn D - sinh năm 1984. (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 16/5/2023, bị cáo Lê Quang T điều khiển xe đạp điện từ nhà ở thôn Đ, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam đi đến các thôn khác trong xã với mục đích trộm cắp tài sản bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Khi đi đến nơi ông Vũ Trung C đang xây dựng nhà ở tại thôn N, xã A thì T dựng xe trước cửa công trình rồi đi vào bên trong. T thấy có 04 đoạn sắt đang dựng ở cạnh tường. Sau khi quan sát thấy không có ai trông coi, T dùng hai tay bẻ 04 đoạn sắt ra chỗ xe đạp điện rồi điều khiển xe đến cửa hàng thu mua phế liệu của anh Nguyễn Văn D bán được số tiền 120.000 đồng. Sau đó T đã chi tiêu cá nhân hết số tiền trên.

Ngày 05/7/2023 ông C đã làm đơn trình báo sự việc đến Cơ quan CSĐT Công an huyện B.

Quá trình điều tra, anh Nguyễn Văn D đã tự nguyện giao nộp: 02 đoạn sắt phi 18, thẳng, dài 2,05m; 01 đoạn sắt phi 18, thẳng, dài 2,5m, hai đầu vuông góc; 01 đoạn sắt phi 16, thẳng, dài 2,38m, hai đầu vuông góc; tổng trọng lượng của 04 đoạn sắt là 17,5kg. Chị Tổng Thị G và cháu Lê Minh H là vợ và con trai của bị cáo T đã tự nguyện giao nộp: 01 xe đạp điện màu đen đã cũ.

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 10/7/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện B kết luận: “*Trị giá 02 (hai) đoạn sắt phi 18, thẳng, dài 2,05m; 01 (một) đoạn sắt phi 18, thẳng, dài 2,5m, hai đầu vuông góc; 01 (một) đoạn sắt phi 16, thẳng, dài 2,38m, hai đầu vuông góc; tổng trọng lượng của 04 đoạn sắt 17,5kg là 157.500đ (Một trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm đồng)*”.

Tại Cáo trạng số 57/CT - VKS - SH ngày 02/8/2023; Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam đã truy tố Lê Quang T về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện VKSND huyện B đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. T bị cáo Lê Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”. Xử phạt bị cáo Lê Quang T từ 09 tháng tù đến 01

năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo. Trả lại chiếc xe đạp điện cho cháu Lê Minh H.

Tại phiên tòa, bị cáo T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, chị G trình bày: Chị là vợ bị cáo T và là mẹ đẻ cháu H. Chị đề nghị Hội đồng xét xử trả lại cháu H chiếc xe đạp điện và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT Công an huyện B; Viện kiểm sát nhân dân huyện B và hành vi tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử vụ án là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự; bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại gì về quyết định tố tụng, hành vi tố tụng.

[2] Về tội danh: Hội đồng xét xử thấy có đủ căn cứ để xác định trưa ngày 16/5/2023 bị cáo Lê Quang T đã lấy trộm 04 đoạn sắt có tổng trọng lượng 17,5kg trị giá 157.500 đồng tại nơi ông Vũ Trung C đang xây dựng nhà ở tại thôn N, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Mặc dù trị giá tài sản bị cáo T trộm cắp dưới 2.000.000 đồng nhưng do ngày 27/6/2022 bị cáo T đã bị Ủy ban nhân dân xã A, huyện B xử phạt vi phạm hành chính 3.000.000 đồng về hành vi “*Trộm cắp tài sản*” và đến ngày 16/5/2023 bị cáo T chưa được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính do vậy bị cáo Lê Quang T đã phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo được các hưởng tình tiết “*Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng*”, “*Người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải*” quy định tại các điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

[4] Về hình phạt: Xét hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp tài sản của công dân. Bị cáo là đối tượng có nhân thân xấu, đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản nhưng không chấp hành và lại tiếp tục thực hiện hành vi trộm cắp tài sản do vậy Hội đồng xét xử áp dụng hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để tiếp tục cải tạo, giáo dục bị cáo cũng như phòng ngừa chung cho xã hội.

Khi quyết định mức hình phạt, Hội đồng xét xử đã xem xét đến trị giá tài sản bị cáo trộm cắp, nhân thân và hoàn cảnh gia đình của bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ biên bản xác minh tài sản đối với bị cáo thấy bị cáo không có tài sản nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng: Đối với 04 đoạn sắt là tài sản hợp pháp của ông Vũ Trung C. Cơ quan CSĐT Công an huyện B đã trả lại cho ông C là đúng quy định của pháp luật.

Về tài sản tạm giữ: Đối với 01 xe đạp điện màu đen đã cũ là tài sản hợp pháp của cháu Lê Minh H là con trai bị cáo T. Khi bị cáo T dùng chiếc xe để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì cháu H không biết do vậy Hội đồng xét xử trả lại chiếc xe cho cháu H.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Sau khi nhận lại tài sản bị trộm cắp, người bị hại là ông Vũ Trung C không có yêu cầu, đề nghị gì về trách nhiệm dân sự.

Đối với số tiền 120.000 đồng dùng để mua 04 đoạn sắt của bị cáo T, anh Nguyễn Văn D không yêu cầu bị cáo T trả lại.

[8] Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

[9] Về tình tiết khác: Ngày 16/5/2023 cháu Lê Minh Hg cho Lê Quang T mượn chiếc xe đạp điện nhưng không biết T sử dụng chiếc xe làm phương tiện để đi trộm cắp tài sản; anh Nguyễn Văn D mua 04 đoạn sắt của Lê Quang T nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có. Do vậy, không có căn cứ để xem xét, xử lý đối với cháu H và anh D.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 38; Điều 47 Bộ luật Hình sự.

Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 106; Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khoá 14.

1. T bố bị cáo Lê Quang T phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.
2. Xử phạt bị cáo Lê Quang T **09** (chín) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt, tạm giữ (05/07/2023).
3. Về tài sản tạm giữ: Trả lại cháu Lê Minh H 01 xe đạp điện màu đen đã cũ được xác định theo Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 03/8/2023 giữa Cơ quan CSĐT Công an huyện B và Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.
4. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Lê Quang T phải nộp 200.000 đồng.

Báo cho bị cáo T, chị G biết được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày T án. Báo cho ông C biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân thị trấn B, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Nơi nhận:

- TAND tối cao (Vụ Giám đốc kiểm tra I);
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND tỉnh Hà Nam;
- Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Công an huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ và văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đặng Trần Anh Dũng

(đã ký)